TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HN-ST
Ngày: 25-6-2025
"V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2025, về: "*Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Chiến T, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: khu vực T, phường T1, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Cẩm V, sinh năm 1995; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến.

Anh T, chị V vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, anh Nguyễn Chiến T trình bày:

1. Anh và chị V do tìm hiểu tự nguyện sống chung năm 2012, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, không có tiếng nói chung. Anh và chị V không còn sống chung từ đầu năm 2015 cho đến nay. Nay tình cảm đã không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị Toà án không công nhận anh và chị V là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/3/2013 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 09/12/2014, anh đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Bị đơn chị Huỳnh Thị Cẩm V trình bày trong quá trình tố tụng:

1. Do chị và anh T không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Toà án không nhận chị và anh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/3/2013 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 09/12/2014, chị đồng ý để anh T được trực tiếp nuôi 02 con và chị không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét: Không công nhận anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V là vợ chồng do không có đăng ký kết hôn; Con chung: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/3/2013 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 09/12/2014, để anh T trực tiếp nuôi con, ghi nhận anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị V cùng trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Chiến T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp yêu cầu không công nhận vợ chồng"*; Trong đó xác định anh Nguyễn Chiến T là nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Cẩm V là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh T và chị V, có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét về mối quan hệ giữa anh T và chị V thấy rằng: Anh T và chị V trình bày cùng sống chung vào năm 2012, có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre và Uỷ ban nhân dân phường T1, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ đều xác định: Anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V không có đăng ký kết hôn. Nay do phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, anh T có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và chị V cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

vào Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội tuyên bố anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/3/2013 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 09/12/2014, anh T đề nghị được trực tiếp nuôi và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Chị V cũng đồng ý.

Khi thực hiện xác minh, chính quyền địa phương cho biết thông tin: Chị V có địa chỉ cư trú tại ấp Thanh Thuỷ, xã Đ. Tuy nhiên, do anh T và chị V không sinh sống tại địa phương nên không nắm được tình trạng hôn nhân cũng như mâu thuẫn.

Thấy rằng 02 con từ nhỏ đến nay sống chung với anh T. Khi được hỏi ý kiến, 02 con đều có nguyện vọng sống chung với anh T. Chị V cũng đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con. Do đó, để anh T trực tiếp nuôi con là phù hợp. Anh T không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận. Cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch, anh T chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

1. Không công nhận anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V là vợ chồng.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 29/3/2013 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 09/12/2014, anh Nguyễn Chiến T được trực tiếp nuôi 02 con. Ghi nhận anh Nguyễn Chiến T không yêu cầu chị Huỳnh Thị Cẩm V cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con

khi có căn cứ theo quy định tại Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh Nguyễn Chiến T và chị Huỳnh Thị Cẩm V trình bày không có, không yêu cầu, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), anh Nguyễn Chiến T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011774 ngày 12 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thúy Hằng